

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 17/03/2025
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tổng Nê

2. Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST -HN ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số B, ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

- Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: số B, ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2024, Bản tự khai ngày 29/10/2024, những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh H và chị L tự quen biết và sống chung như vợ chồng, sau đó mới tổ chức kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2023. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến khoảng thời gian một tháng sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L tự bán tài sản chung của vợ chồng sử dụng riêng cá nhân mà không hỏi ý kiến anh H. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị L.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do chị L không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt chị L và anh H là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trúc L kết hôn vào năm 2023, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2023 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh H do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L tự bán tài sản chung của vợ chồng xài tư riêng. Xét thấy, hôn nhân giữa anh H và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn với chị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: anh H khia không có nên không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung: trước đây anh H có đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung: yêu cầu chị Trúc L giao lại cho anh H ½ số vàng cưới là 13,5 chỉ vàng 18k và 0,5 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên tại Bản tự khai ngày 29/10/2024 và Biên bản không tiến hành hòa giải được, anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện: về tài sản chung, anh H tự thương lượng với chị L. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu tài sản chung của anh H, do các bên tự thương lượng nên không xét đến trong vụ án này.

[2.4] Về nợ chung: anh H khai không có nên không xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí là 300.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí về việc tranh chấp tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H đối với chị Nguyễn Thị Trúc L.

Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị Trúc L. Quan hệ hôn nhân của anh H, chị L chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có nên không xét đến.

3. *Về tài sản chung:*

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Văn H.

Tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận nên không xét đến.

4. Về nợ chung: anh H khai không có nên không xét đến.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003122 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.725.000đ (một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003121 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị L, anh H vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- UBND xã Tường Đa (An Hiệp cũ)
(Số 25/2023/ĐKKH ngày 10/7/2023)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu